

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 73/2020/DS – ST

Ngày: 27-8-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Đùng và bà Vi Thị Kiều Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Phương Thảo, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 782/2019/TLST- DS ngày 24/12/2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXX-DS ngày 03/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/QĐHPT ngày 21/7/2020, và Thông báo V/v mở lại phiên tòa số 20/2020/TB-TA ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: 25 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Hoàng Dương K, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: 58B đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2019, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà Phan Thị H có cho ông Hoàng Dương K vay tiền nhiều lần nhưng đã thanh toán dứt điểm, riêng khoản vay ngày 12/01/2019, bà Phan Thị H có cho ông Hoàng Dương K vay số tiền 180.000.000 đồng, thời hạn trả 01 tuần tức ngày 18/01/2019 sẽ trả, lãi 0,1%/tháng, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền đề ngày 12/01/2019 có chữ ký xác nhận của ông K. Sau khi vay, ông K đã trả cho bà H nhiều đợt với tổng số tiền là 157.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại

23.000.000 đồng nợ gốc, từ đó đến nay ông K cố tình trốn tránh, không trả cho cho bà H. Số tiền vay này vợ ông K không biết và không liên quan.

Nay bà H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Dương K trả cho bà H số tiền 23.000.000 đồng nợ gốc, về tiền lãi bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bà H xác định hai giấy nợ vay 120.000.000 đồng vào ngày 07/9/2018 và vay 60.000.000 đồng vào ngày 26/9/2018 do ông K viết cho bà là hai khoản nợ riêng, không liên quan đến khoản nợ bà khởi kiện, vì bà cho ông K vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay ông K đều viết giấy nợ giao cho bà sau khi ông K trả hết nợ thì bà trả lại giấy nợ cho ông K, việc ông K yêu cầu bà cung cấp chứng cứ ông K đã trả cho bà 157.000.000 đồng bà không có vì mỗi lần ông K trả thì bà viết giấy và giao cho ông K giữ.

Bị đơn ông Hoàng Dương K đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại buổi hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Dương K xác định: Đúng là ông có vay tiền của bà H nhiều lần, mỗi lần vay tiền ông đều viết giấy cho bà H, sau khi ông trả hết nợ thì bà H trả lại ông giấy vay nợ mà ông đã viết cho bà H. Đối với giấy vay tiền đề ngày 12/01/2019 có nội dung ông vay của bà H số tiền 180.000.000 đồng đúng là do ông viết và ký tên, tuy nhiên đó chỉ là hợp đồng giả tạo, không có thật mà đó là khoản tiền mà ông vay của bà H trước đó cụ thể: vay 120.000.000 đồng vào ngày 07/9/2018 và vay 60.000.000đ vào ngày 26/9/2018, tổng cộng là 180.000.000 đồng, hai khoản vay trên ông đã trả hết cho bà H và bà H đã trả lại giấy vay cho ông (ông đã cung cấp cho Tòa án tại phiên tòa), sau đó khoảng gần tết bà H có nhờ ông viết giấy nhận nợ đề ngày 12/01/2019 để bà H đối chiếu công nợ với người khác chứ thực tế ông không vay tiền theo giấy nợ nêu trên và không có việc ông đã trả cho bà H 157.000.000 đồng như bà H trình bày, nên ông yêu cầu bà H cung cấp chứng cứ chứng minh việc ông trả 157.000.000 đồng thì ông chấp nhận trả 23.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H, trường hợp bà H không cung cấp được thì ông không chấp nhận yêu cầu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

- **Về tố tụng:** Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử còn vi phạm, cần khắc phục.

- **Về nội dung:** Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H V/v buộc ông Hoàng Dương K có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng), về tiền lãi bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Dương K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Phan Thị H buộc ông Hoàng Dương K trả cho bà số tiền 23.000.000 đồng và cung cấp tài liệu chứng cứ là Giấy đề ngày 12/01/2019 có nội dung tôi tên Hoàng Dương K có mượn của chị Phan Thị H số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), Tại phiên tòa ông K thừa nhận giấy vay tiền nêu trên do ông viết và ký tên tuy nhiên đó chỉ là hợp đồng giả tạo ông viết giùm cho bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị đơn cho rằng giấy mượn tiền là chứng cứ nguyên đơn bà H xuất trình là do ông viết và ký tên nhưng cho rằng đó là hợp đồng không có thực mà là do ông nợ bà H hai khoản tiền gồm 120.000.000 đồng vào ngày 07/9/2018 và vay 60.000.000 đồng vào ngày 26/9/2018 nhưng hai khoản tiền trên ông đã trả cho bà H, sau đó bà H nhờ ông viết giấy vay nợ đề ngày 12/01/2019 để bà H đối chiếu nợ với người khác, chứ không có việc vay và trả 157.000.000 đồng như bà H trình bày, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh; Phía nguyên đơn bà H cung cấp giấy mượn tiền có nội dung ông K mượn bà H 180.000.000 đồng nhưng bà H xác định ông K đã trả cho bà 157.000.000 đồng nên chỉ còn nợ bà 23.000.000 đồng, như vậy có cơ sở xác định ông K vay của bà H 180.000.000 đồng vào ngày 12/01/2019 và đã trả nhiều lần số nợ gốc là 157.000.000 đồng nên cần buộc ông K trả cho bà H 23.000.000 đồng nợ gốc là có cơ sở.

Về tiền lãi: Trong giấy mượn tiền không ghi nhận tiền lãi, tuy nhiên quá trình Tòa án giải quyết vụ án Bà H xác định lãi suất là 0,1%/ tháng, bị đơn ông K khai về lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là khoảng 18 triệu/tuần nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh, mặt khác nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 23.000.000 đồng nợ gốc không yêu cầu về lãi suất nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Hoàng Dương K có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc là 23.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: $23.000.000đ \times 5\% = 1.150.000$ đồng.

Bà Phan Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 227; Điều 147; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

Buộc ông Hoàng Dương K có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Dương K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Ông Hoàng Dương K phải chịu: 1.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 575.000đồng (Năm trăm bảy lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí Cải Hoàng L đã nộp thay bà Phan Thị H theo biên lai thu số AA/2019/0005510 ngày 18/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS;
thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt